

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Ông Đào Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ C số 09/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị B, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: E, xã G, thành phố H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh C, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đay Tà Ni, xã Hưng Hội, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị B trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 01 năm 2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Chị B và anh C xây dựng hôn nhân năm 2015, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hưng Hội, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106/2015, quyền số 01/2015 ngày 16/11/2015.

Quá trình chung sống vợ chồng chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc, khi mâu thuẫn, anh C có dùng bạo lực đối với chị. Vợ chồng chị đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành và đã ly thân hơn 03 năm nay. Nay chị B yêu cầu ly hôn với anh C. Vợ chồng chị chung sống với nhau có một người con chung cháu D, sinh ngày 12/5/2015, hiện cháu D đang sống chung với chị B, khi ly hôn, chị B yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 02 chiếc xe gắn máy và tiền mặt 30.000.000 đồng, ngoài ra không còn tài sản nào khác; nợ chung không có. Khi ly hôn, chị B và anh C tự thỏa thuận tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh C không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ C cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C. Về con chung, đề nghị tiếp tục giao cháu D cho chị B nuôi dạy, giáo dục do cháu D đang sống cùng chị B. Chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 18 tháng 01 năm 2021 chị B nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh C. Khi khởi kiện anh C cư trú tại ấp Đay Tà Ni, xã Hưng Hội, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ C, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có C do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh C theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị B và anh C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106/2015, quyền số 01/2015 ngày 16/11/2015 tại

Ủy ban nhân dân xã Hưng Hội, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên hôn nhân giữa chị B và anh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Chị B xác định trong thời gian chung sống, giữa chị B và anh C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, khi mâu thuẫn anh C có dùng bạo lực với chị. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu ly hôn với anh C. Về phía anh C không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không có lời khai anh C. Tuy nhiên, Tòa án có tiến hành xác minh ông Sơn Ngọc Điệp là cha anh C. Tại biên bản xác minh ngày 01 tháng 6 năm 2021, ông Điệp xác định chị B và anh C chung sống với nhau khoảng năm 2014, năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Hội, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Anh C và chị B chung sống với nhau có một người con chung là cháu D, sinh ngày 12/5/2015, cháu D đang sống chung chị B; Quá trình chung sống, chị B và anh C có phát sinh mâu thuẫn, chị B và anh C đã ly thân từ năm 2018 đến nay, anh C về ở chung với ông, chị B về nhà cha mẹ ruột chị B sinh sống từ năm 2018 đến nay. Anh C biết việc chị B yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh C nhưng anh C bận làm kiếm tiền lo cho cuộc sống hiện tại nên anh C không đến Tòa án; anh C cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị B, đồng ý giao cháu D cho chị B nuôi dạy.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa chị B và anh C đã không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, kéo dài nhiều năm nay, chị B và anh C đã ly thân hơn 03 năm nay. Chị B không còn tình cảm với anh C, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị B yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C.

[4] Về con chung: Chị B và anh C có một người con chung là cháu D, sinh ngày 12/5/2015, hiện cháu D đang sống với chị B. Phía chị B yêu cầu nuôi cháu D và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu D, do cháu D đang sống cùng chị B nên cần tiếp tục giao cháu D cho chị B tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị B xác định, vợ chồng chị chung sống có tạo lập tài sản chung là 02 chiếc xe gắn máy và tiền mặt 30.000.000 đồng, ngoài ra không còn tài sản nào khác, chị B và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ

chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị B phải chịu 300.000 đồng, chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008522 ngày 28 tháng 01 năm 2021 được chuyển thu án phí.

[8] Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị B đối với anh C. Xử cho chị B được ly hôn đối với anh C.

2. Về con chung: Giao cháu D, sinh ngày 12/5/2015 cho chị B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện cháu D đang sống cùng với chị B.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị B phải chịu 300.000 đồng, chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008522 ngày 28 tháng 01 năm 2021 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Hưng Hội,
huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi